

Số: 351/2023/QĐST-HNGĐ

Yên Sơn, ngày 31 tháng 10 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 290/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Hồng N, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: thôn Tân Biên 1, xã T, huyện Y, Tuyên Quang

Chỗ ở hiện nay: xóm 2, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- **Bị đơn:** Anh Lã Đức D, sinh năm 1985

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn Tân Biên 1, xã T, huyện Y, Tuyên Quang

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2023;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Hồng N và anh Lã Đức D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu cháu Lã Ngọc Kim N, sinh ngày 24/8/2017 và cháu Lã Ngọc Trâm A, sinh ngày 02/12/2019 cho chị Phạm Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lã Đức D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng hai cháu, mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/ 1 tháng/ 1 cháu (một triệu đồng/ 1 tháng/ 1 cháu), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2023 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án chậm cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về đất đai, tài sản, công nợ chung*: các đương sự xác định không có.

- *Về án phí*: chị N nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000714113 ngày 12/10/2023 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000720 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y. Trả lại chị N số tiền tạm ứng án phí ly hôn còn lại là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh D phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Tiên Bộ, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Toàn

